

Số: 03/2013/TTr-HĐQT-VINGROUP

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

## TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*V/v: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tập đoàn*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP**

Ngày 26/7/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 121/2012/TT – BTC quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng (“**Thông tư 121**”) và Phụ lục về Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư để các công ty đại chúng tham khảo xây dựng Điều lệ công ty.

Căn cứ Thông tư 121 và pháp luật liên quan, căn cứ tình hình thực tế hoạt động của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (“**Tập đoàn**”) thời gian qua, Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) đã rà soát, xem xét điều chỉnh một số điều khoản trong Điều lệ Tập đoàn. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCD**”) xem xét và thông qua các điểm sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ Tập đoàn như nêu dưới đây.

### 1. **Sửa Điều 1:**

- Bổ sung định nghĩa về “**Cổ đông lớn**” theo quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán năm 2006 để phù hợp với Thông tư 121 về trách nhiệm của Cổ đông lớn.
- Bổ định nghĩa “**Tập Đoàn**” được hiểu bao gồm Tập đoàn Vingroup - Công ty CP và Công ty con của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP để tránh nhầm lẫn với khái niệm “Tập đoàn là gọi tắt của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP”.
- Bổ định nghĩa “**Thời hạn**” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Tập đoàn được quy định tại Điều 3.6 của Điều Lệ này và bất kỳ gia hạn nào được thông qua bởi nghị quyết của DHĐCD để phù hợp với Điều 3.6 Điều lệ Tập đoàn quy định thời hạn hoạt động của Tập đoàn là vô hạn.

2. **Sửa Điều 4.1:** Để làm rõ hơn quy định về mục tiêu hoạt động của Tập đoàn.

3. **Sửa Điều 8.3:** Để phù hợp với quy định của Thông tư 121 về trách nhiệm của cổ đông lớn.

4. **Bổ sung nội dung Điều 10.2 và 10.4:** Để phù hợp với quy định của Thông tư 121 về quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông.

5. **Sửa Điều 11.4 và 11.5:** Để làm rõ hơn quy định về cổ phần ưu đãi trong Tập đoàn.

6. **Sửa Điều 11A:** Để làm rõ hơn quy định về việc thay đổi các quyền theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.

7. **Sửa tên Điều 12:** Để phù hợp với các nội dung được quy định tại Điều 12 Điều lệ Tập đoàn.

8. **Sửa Điều 13.5 và Bổ sung Điều 13.8:** Để tránh tình trạng bị ảnh hưởng do tranh chấp trong việc xác định người thừa kế đối với cổ phần của cổ đông bị chết và làm rõ quy định về việc không được chuyển nhượng cổ phần, hưởng các quyền lợi liên quan nếu cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ.

9. **Sửa Điều 14.4:** Để làm rõ hơn quy định về cổ phần được thu hồi theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
10. **Sửa Điều 19.3(xv) và (xvi):** Để làm rõ hơn quy định về quyền hạn của ĐHĐCĐ liên quan đến việc phê chuẩn các Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan.
11. **Sửa Điều 19.4:** Để bổ sung trường hợp loại trừ theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
12. **Sửa Điều 20.1:** Để điều chỉnh phạm vi công việc thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
13. **Sửa Điều 20.2 (ii):** Để làm rõ hơn quy định về triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
14. **Sửa Điều 23.1 và Điều 23.5 (v):** Để làm rõ hơn quy định theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
15. **Sửa Điều 24.3(ii):** Để làm rõ hơn quy định về việc thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
16. **Bổ sung nội dung Điều 25.2:** Để phù hợp với Thông tư 121.
17. **Sửa Điều 26:** Để làm rõ hơn quy định về yêu cầu hủy bỏ Quyết định của ĐHĐCĐ
18. **Sửa Điều 27.1:** Để làm rõ hơn quy định về thành phần HĐQT.
19. **Sửa tiêu đề Điều 27.5:** Để làm rõ hơn quy định.
20. **Sửa Điều 27.6:** Để phù hợp với Thông tư 121.
21. **Sửa Điều 28.3 (i) và Bổ sung nội dung Điều 28.3 (xvii):** Để bổ sung thẩm quyền cho Hội đồng quản trị theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
22. **Sửa Điều 28.4:** Để làm rõ hơn quy định cũng như cách hiểu phù hợp với Điều 28.6 Điều lệ Tập đoàn.
23. **Sửa Điều 31.3, Điều 31.8 và Điều 31.10:** Để làm rõ hơn quy định theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
24. **Bổ sung nội dung tên của Chương IX:** Để phù hợp với Thông tư 121.
25. **Bổ sung nội dung Điều 33.3(x):** Để làm rõ hơn quy định về quyền và trách nhiệm của Tổng Giám đốc
26. **Bổ sung nội dung Điều 33.7:** Để phù hợp với Thông tư 121.
27. **Sửa nội dung Chương X:** Bổ sung thêm về thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi; trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường; trách nhiệm cần trọng như thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Cán Bộ Quản Lý khác, trên cơ sở phù hợp với Thông tư 121.
28. **Sửa Điều 38.2 (xvii):** Để làm rõ hơn quy định về quyền và trách nhiệm của BKS liên quan đến việc thông qua các Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan.
29. **Sửa Điều 38.3 và Điều 38.5:** Để làm rõ hơn quy định theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
30. **Sửa Điều 40.8:** Sửa đổi ngắn gọn theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
31. **Sửa tiêu đề Điều 43 và Điều 43.1:** Để phù hợp với quy định theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.

32. **Bổ sung Điều 46A:** Theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
33. **Sửa Điều 47.1:** Để phù hợp với thực tế hoạt động của ĐHĐCĐ.
34. **Sửa Điều 47.3:** Sửa đổi ngắn gọn theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
35. **Sửa Điều 51.1:** Để phù hợp theo quy định tại khoản 3.6 Điều lệ quy định thời hạn hoạt động của Tập đoàn là vô hạn.
36. **Sửa Điều 53:** Để phù hợp với Nghị quyết số 71/2006/QH11 phê chuẩn Nghị định thư gia nhập WTO do Tập đoàn Vingroup có các cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.
37. **Sửa Điều 55:** Để làm rõ hơn về phương thức chỉ định hòa giải viên giải quyết tranh chấp.
38. Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi nội dung các điều, khoản). Nội dung điều chỉnh này giao cho người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn rà soát, thực hiện.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Điều lệ của Tập đoàn được quy định chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua Điều lệ mới của Tập đoàn bao gồm các điều khoản đã được sửa đổi, bổ sung. Điều lệ mới có hiệu lực kể từ ngày thông qua và thay thế cho Điều lệ hiện tại ký ngày 25/4/2012 và các bản sửa đổi, bổ sung kèm theo. Giao người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

(đã ký)

**Phạm Nhật Vượng**

*Ghi chú: Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung thích hợp và trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định tại Đại hội*

**PHỤ LỤC**  
**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 1	Không quy định	<u>“Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tập đoàn.</u>	Để phù hợp với Thông tư 121 quy định về trách nhiệm của Cổ đông lớn.
		“ <b>Tập Đoàn</b> ” được hiểu bao gồm Tập đoàn Vingroup – Công ty CP và Công ty con của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP.	Bỏ định nghĩa này	Để tránh nhầm với khái niệm “Tập đoàn là gọi tắt của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP”.
		“ <b>Thời Hạn</b> ” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Tập đoàn được quy định tại Điều 3.6 của Điều Lệ này và bất kỳ gia hạn nào được thông qua bởi nghị quyết của ĐHĐCĐ	Bỏ định nghĩa này	Để phù hợp với Điều 3.6 Điều lệ Tập đoàn quy định thời hạn hoạt động của Tập đoàn là vô hạn.
2.	Điều 4.1	Tập đoàn hoạt động nhằm mục đích: (i) Trở thành Tập đoàn đầu tư và thương mại lớn mạnh trong thị trường trong nước; (ii) Đầu tư và phát triển các dự án bất động sản tại Việt Nam; (iii) Tạo lợi nhuận cho các Cổ Đông, tạo công ăn việc làm	Tập đoàn hoạt động nhằm mục <del>đích</del> - <u>tiêu</u> : (i) Trở thành Tập đoàn <u>kinh tế đa ngành hàng đầu Việt Nam và khu vực, hướng đến một Tập đoàn mang đẳng cấp quốc tế</u> - <del>đầu tư và thương mại lớn mạnh trong thị trường trong nước</del> ; (ii) Đầu tư và phát triển các dự án bất động sản, <u>du</u>	Để làm rõ hơn quy định về mục tiêu hoạt động của Tập đoàn.

		và thu nhập cho xã hội.	<u>lịch – khách sạn cao cấp, dịch vụ y tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe chất lượng cao</u> tại Việt Nam; (iii) Tạo lợi nhuận cho các Cổ Đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho xã hội.	
3.	Điều 8.3	Cổ Đông có nghĩa vụ công bố thông tin phù hợp với các quy định của Pháp luật mà được áp dụng đối với Cổ Đông đó.	Cổ Đông <u>lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Tập đoàn và của các Cổ Đông khác đồng thời có nghĩa vụ công bố thông tin phù hợp với các</u> <u>theo</u> quy định của Pháp luật <u>mà được áp dụng đối với Cổ Đông đó.</u>	Để phù hợp với Thông tư 121 quy định về trách nhiệm của cổ đông lớn.
4.	Điều 10.2	10.2. Các Cổ Đông phổ thông có quyền: (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Mỗi Cổ Phần phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết; (ii) Nhận cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ; (iii) Được ưu tiên mua cổ phần mới phát hành của Tập đoàn theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình trong Tập đoàn; (iv) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật; (v) Xem xét, trích lục các thông tin trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông; kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ Đông trong danh sách Cổ Đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; (vi) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Tập đoàn, sổ biên bản của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ;	10.2. Các Cổ Đông phổ thông có quyền: (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Mỗi Cổ Phần phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết; (ii) Nhận cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ; (iii) Được ưu tiên mua cổ phần mới phát hành của Tập đoàn theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình trong Tập đoàn; (iv) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật; (v) Xem xét, trích lục các thông tin trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông; kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ Đông trong danh sách Cổ Đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; (vi) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Tập đoàn, sổ biên bản của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ;	Để phù hợp với Thông tư 121 quy định về quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

	<p>(vii) Trong trường hợp Tập đoàn giải thể, có quyền nhận một phần tài sản còn lại của Tập đoàn tương ứng với số Cổ Phần góp vốn vào Tập đoàn, sau khi Tập đoàn đã thực hiện các khoản thanh toán cho các chủ nợ và bất kỳ Cổ Đông ưu đãi nào và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật;</p> <p>(viii) Yêu cầu Tập đoàn mua lại Cổ Phần của mình trong các trường hợp quy định tại điều 90 Luật Doanh Nghiệp; và</p> <p>(ix) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp.</p>	<p>(vii) Trong trường hợp Tập đoàn giải thể, có quyền nhận một phần tài sản còn lại của Tập đoàn tương ứng với số Cổ Phần góp vốn vào Tập đoàn, sau khi Tập đoàn đã thực hiện các khoản thanh toán cho các chủ nợ và bất kỳ Cổ Đông ưu đãi nào và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật;</p> <p>(viii) Yêu cầu Tập đoàn mua lại Cổ Phần của mình trong các trường hợp quy định tại điều 90 Luật Doanh Nghiệp;</p> <p>(ix) <u>Thực hiện việc bỏ phiếu từ xa trong cuộc họp ĐHĐCĐ (nếu có);</u></p> <p>(x) <u>Được đối xử công bằng, cụ thể: mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.</u></p> <p>(xi) <u>Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Tập đoàn.</u></p> <p>(xii) <u>Được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình, cụ thể: trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của Cổ Đông, Cổ Đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Tập đoàn, HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc phải đền bù cho Tập đoàn theo trách nhiệm của mình. Cổ Đông có quyền yêu cầu Tập đoàn bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật; và</u></p> <p>(xiii) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp.</p>	
--	---	---	--

5.	Điều 10.4	<p>10.4. Các Cổ Đông phổ thông của Tập đoàn có các nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;</li> <li>(ii) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn;</li> <li>(iii) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</li> <li>(iv) Không được rút vốn đã góp ra khỏi Tập đoàn dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tập đoàn hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;</li> <li>(v) Tuân thủ Điều Lệ và các quy chế của Tập đoàn;</li> <li>(vi) Chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;</li> <li>(vii) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật.</li> </ul>	<p>10.4 Các Cổ Đông phổ thông của Tập đoàn có các nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) <u>Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ;</u></li> <li>(ii) Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;</li> <li>(iii) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi số vốn đã góp vào Tập đoàn;</li> <li>(iv) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</li> <li>(v) Không được rút vốn đã góp ra khỏi Tập đoàn dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tập đoàn hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tập đoàn trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;</li> <li>(vi) Tuân thủ Điều Lệ và các quy chế của Tập đoàn;</li> <li>(vii) Chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;</li> <li>(viii) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật.</li> </ul>	<p>Để phù hợp với Thông tư 121 quy định về quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông.</p>
6.	Điều 11.4	<p>11.4. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, bất kỳ Cổ Đông ưu đãi muốn chuyển đổi Cổ Phần ưu đãi thành Cổ</p>	<p>11.4. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác <u>hoặc ĐHĐCĐ có quy định khác</u>, bất kỳ Cổ Đông ưu đãi muốn</p>	<p>Để làm rõ hơn quy định về cổ</p>

		<p>Phản phổ thông phải gửi thông báo bằng văn bản tới Tập đoàn nêu rõ số lượng Cổ Phần ưu đãi mà Cổ Đông đó muốn được chuyển đổi thành Cổ Phần phổ thông. Tập đoàn sẽ chuyển đề nghị này tới ĐHĐCĐ trong vòng bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị.</p>	<p>chuyển đổi Cổ Phần ưu đãi thành Cổ Phần phổ thông phải gửi thông báo bằng văn bản tới Tập đoàn nêu rõ số lượng Cổ Phần ưu đãi mà Cổ Đông đó muốn được chuyển đổi thành Cổ Phần phổ thông. Tập đoàn sẽ chuyển đề nghị này tới ĐHĐCĐ trong vòng bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị.</p>	<p>phản ưu đãi trong Tập đoàn.</p>
7.	Điều 11.5	<p>11.5 Khi nhận được nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt việc chuyển đổi đó, Cổ Đông ưu đãi sẽ chuyển lại cho Tập đoàn chứng chỉ cổ phiếu liên quan tới số Cổ Phần sẽ được chuyển đổi, và Tập đoàn sẽ phát hành chứng chỉ cổ phiếu mới cho số Cổ Phần phổ thông hình thành từ việc được chuyển đổi đó và ghi nhận việc chuyển đổi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Không phụ thuộc vào ngày mà Cổ Đông liên quan nhận được Chứng chỉ cổ phiếu đối với số Cổ Phần phổ thông đó, quyền sở hữu đối với số Cổ Phần phổ thông sẽ được coi như bắt đầu kể từ ngày mà việc chuyển đổi được đăng ký tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông.</p>	<p>11.5 <u>Trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc ĐHĐCĐ có quy định khác</u>, khi nhận được nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt việc chuyển đổi đó, Cổ Đông ưu đãi sẽ chuyển lại cho Tập đoàn chứng chỉ cổ phiếu liên quan tới số Cổ Phần sẽ được chuyển đổi, và Tập đoàn sẽ phát hành chứng chỉ cổ phiếu mới cho số Cổ Phần phổ thông hình thành từ việc được chuyển đổi đó và ghi nhận việc chuyển đổi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Không phụ thuộc vào ngày mà Cổ Đông liên quan nhận được Chứng chỉ cổ phiếu đối với số Cổ Phần phổ thông đó, quyền sở hữu đối với số Cổ Phần phổ thông sẽ được coi như bắt đầu kể từ ngày mà việc chuyển đổi được đăng ký tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông.</p>	<p>Để làm rõ hơn quy định về cổ phần ưu đãi trong Tập đoàn.</p>
8.	Điều 11A	<p><b>Thay đổi các quyền</b></p> <p>11A.1 Các quyết định của ĐHĐCĐ về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p> <p>11A.2 Trường hợp ĐHĐCĐ quyết định việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng</p>	<p><b>Thay đổi các quyền</b></p> <p>11A.1 Các quyết định của ĐHĐCĐ về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với <u>một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được cổ đông từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần</u></p>	<p>Để làm rõ hơn quy định về việc thay đổi các quyền theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.</p>



	<p>loại cổ phần thông qua biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ, việc tổ chức một cuộc họp đó chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</p> <p>11A.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp ĐHĐCĐ riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều lệ này. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, thủ tục sẽ được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 24 của Điều lệ này.</p> <p>11A.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Tập đoàn sẽ không bị thay đổi khi Tập đoàn phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p><del>đã phát hành loại đó</del> <u>loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</u></p> <p>11A.2 <del>Trường hợp ĐHĐCĐ quyết định việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần thông qua biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ</del> <u>Việc tổ chức một cuộc họp đó của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên</u> chỉ có giá trị khi có tối thiểu <del>hai</del> <u>một (0201)</u> cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì <del>sẽ</del> <u>cuộc họp được</u> tổ chức <del>họp</del> lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp <u>của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi</u> <del>riêng biệt</del> nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. <del>và m</del> <u>Mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó</u> <del>cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</del></p> <p>11A.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp ĐHĐCĐ riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều lệ này. <del>Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, thủ tục sẽ được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 24 của Điều</del></p>	
--	--	--	--

			<p><u>lệ này.</u></p> <p>11A.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến <u>chia sẻ việc phân phối</u> lợi nhuận hoặc tài sản của Tập đoàn sẽ không bị thay đổi khi Tập đoàn phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	
9.	Điều 12	Chứng chỉ cổ phiếu	Chứng chỉ cổ phiếu <u>và Sổ Đăng Ký Cổ Đông.</u>	Để phù hợp với các nội dung được quy định tại Điều 12 Điều lệ Tập đoàn.
10.	Điều 13.5	13.5. Trong trường hợp một Cổ Đông bị chết, thì người thực hiện di chúc hoặc người quản lý của người chết sẽ là người hoặc những người duy nhất được Tập đoàn công nhận là có quyền hoặc lợi ích đối với số Cổ Phần. Tuy nhiên, không có quy định nào trong điều khoản này giải phóng tài sản của Cổ Đông đã chết khỏi bất kỳ trách nhiệm nào liên quan tới các Cổ Phần mà người đó nắm giữ.	<p>13.5. Trong trường hợp một Cổ Đông bị chết <u>và có yêu cầu của người liên quan, những người thừa kế của người chết phải có một văn bản thỏa thuận để chỉ định người hoặc một số người đại diện cho số cổ phần của Cổ Đông bị chết, trong thỏa thuận phải nêu rõ mỗi người sẽ đại diện cho bao nhiêu số cổ phần. Nếu không có thỏa thuận hoặc không xác định được người thừa kế của người chết, việc thực hiện quyền liên quan đến số cổ phần của người chết sẽ tạm ngừng cho đến khi có phán quyết của cơ quan có thẩm quyền về việc xác định người hoặc những người có quyền đại diện cho số cổ phần của người chết hoặc những người thừa kế đạt được thỏa thuận.</u></p> <p><u>Trong trường hợp Cổ Đông bị chết sở hữu số cổ phần từ 1% Vốn điều lệ trở lên, HĐQT có thể sẽ chỉ định một chuyên gia pháp lý độc lập để nghiên cứu và đưa ra ý kiến về vụ việc. HĐQT dựa trên ý kiến của chuyên gia sẽ quyết định: (i) xác định người hoặc</u></p>	Để tránh tình trạng bị ảnh hưởng do tranh chấp trong việc xác định người thừa kế đối với cổ phần của cổ đông bị chết

			<u>những người đại diện cho số cổ phần của Cổ Đông bị chết; hoặc (ii) tạm ngừng thực hiện quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần của Cổ Đông bị chết cho đến khi có phán quyết của cơ quan có thẩm quyền hoặc những người thừa kế đạt được thỏa thuận</u> thì người thực hiện di chúc hoặc người quản lý của người chết sẽ là người hoặc những người duy nhất được Tập đoàn công nhận là có quyền hoặc lợi ích đối với số Cổ Phần. Tuy nhiên, không có quy định nào trong điều khoản này giải phóng tài sản của Cổ Đông đã chết khỏi bất kỳ trách nhiệm nào liên quan tới các Cổ Phần mà người đó nắm giữ.	
11.	Điều 13.8	13.8. Không quy định.	<u>13.8 Cổ Phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</u>	Để làm rõ quy định về việc không được chuyển nhượng cổ phần, hưởng các quyền lợi liên quan nếu cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ.
12.	Điều 14.4	Cổ Phần bị thu hồi hoặc được giao nộp lại sẽ trở thành tài sản của Tập đoàn. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu Cổ Phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.	Cổ Phần bị thu hồi hoặc được giao nộp lại <u>sẽ trở thành tài sản được coi là các cổ phần được quyền chào bán</u> của Tập đoàn. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu Cổ Phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.	Để làm rõ hơn quy định về cổ phần được thu hồi theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
13.	Điều 19.3 (xv) và (xvi)	(xv) Phê chuẩn bất kỳ Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên giá trị NTA của Tập Đoàn (dựa trên số liệu	(xv) Phê chuẩn bất kỳ Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên giá trị NTA của Tập Đoàn (dựa trên	Để làm rõ hơn quy định về quyền hạn của

		<p>của báo cáo tài chính IFRS được kiểm toán gần nhất tại thời điểm Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan đó được ký kết) với điều kiện là giao dịch đó có giá trị vượt quá 100.000 Đô la Singapore; và</p> <p>(xvi) Phê chuẩn bất kỳ Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan, có giá trị cộng gộp với tất cả các giao dịch khác được ký kết với cùng Người Có Lợi Ích Liên Quan đó trong cùng một năm tài chính đạt từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên giá trị NTA của Tập Đoàn (dựa trên báo cáo tài chính IFRS được kiểm toán gần nhất tại thời điểm Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan được ký kết) trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với quy chế niêm yết của SGX-ST và với điều kiện là từng giao dịch đó có giá trị vượt quá 100.000 Đô la Singapore.</p>	<p>số liệu của báo cáo tài chính <u>hợp nhất (IFRS)</u> được kiểm toán gần nhất tại thời điểm Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan đó được ký kết) với điều kiện là giao dịch đó có giá trị vượt quá 100.000 Đô la Singapore; và</p> <p>(xvi) Phê chuẩn bất kỳ Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan, có giá trị cộng gộp với tất cả các giao dịch khác được ký kết với cùng Người Có Lợi Ích Liên Quan đó trong cùng một năm tài chính đạt từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên giá trị NTA của Tập Đoàn (dựa trên báo cáo tài chính <u>hợp nhất (IFRS)</u> được kiểm toán gần nhất tại thời điểm Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan được ký kết) trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với quy chế niêm yết của SGX-ST và với điều kiện là từng giao dịch đó có giá trị vượt quá 100.000 Đô la Singapore.</p>	<p>ĐHĐCĐ liên quan đến việc phê chuẩn các Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan.</p>
14.	Điều 19.4	<p>Cổ Đông không có quyền biểu quyết để thông qua các vấn đề sau:</p> <p>(i) Bất kỳ hợp đồng, giao dịch nào theo quy định tại Điều 19.3, nếu Cổ Đông hoặc người có liên quan của Cổ Đông đó là một bên tham gia hợp đồng hoặc giao dịch;</p> <p>(ii) Bất kỳ việc mua Cổ Phần nào của Cổ Đông đó hoặc của người có liên quan của Cổ Đông đó.</p>	<p>Cổ Đông không có quyền biểu quyết để thông qua các vấn đề sau:</p> <p>(i) Bất kỳ hợp đồng, giao dịch nào theo quy định tại Điều 19.3, nếu Cổ Đông hoặc người có liên quan của Cổ Đông đó là một bên tham gia hợp đồng hoặc giao dịch;</p> <p>(ii) Bất kỳ việc mua Cổ Phần nào của Cổ Đông đó hoặc của người có liên quan của Cổ Đông đó, <u>trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.</u></p>	<p>Để bổ sung trường hợp loại trừ theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.</p>
15.	Điều 20.1	<p>Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ được triệu tập bởi HĐQT tại một địa điểm thuộc Việt Nam do HĐQT xác</p>	<p>Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ được triệu tập bởi HĐQT tại một địa điểm thuộc Việt Nam do HĐQT xác</p>	<p>Để điều chỉnh phạm vi công</p>

		định tùy theo thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định về các vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. TGD phải cung cấp cho Chủ tịch HĐQT chương trình họp dự kiến về việc họp ĐHĐCĐ hàng năm.	định tùy theo thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định về các vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm <del>và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo</del> . TGD phải cung cấp cho Chủ tịch HĐQT chương trình họp dự kiến về việc họp ĐHĐCĐ hàng năm.	việc thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
16.	Điều 20.2 (ii)	Bảng cân đối tài chính hàng năm, báo cáo quý hoặc báo cáo 6 tháng, hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính chỉ ra rằng số Vốn Điều Lệ của Tập đoàn đã mất đi một nửa;	Bảng cân đối tài chính hàng năm, báo cáo quý hoặc báo cáo sáu (6) tháng, hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính chỉ ra rằng <del>số Vốn Điều Lệ của Tập đoàn</del> <u>vốn chủ sở hữu</u> đã mất đi một nửa (1/2) <u>so với đầu kỳ</u> ;	Để làm rõ hơn quy định về triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bắt thường theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
17.	Điều 23.1.	23.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT hoặc người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì cuộc họp. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.	23.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT hoặc người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì cuộc họp. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội. <u>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.</u> Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.	Để làm rõ hơn quy định theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
18.	Điều 23.5 (v)	(v) Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời	(v) <del>Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một</del>	Để làm rõ hơn quy định theo

		<p>điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p>	<p><del>thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</del> <u>Chủ tọa đại hội có thể hoãn họp đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</u></p>	<p>tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.</p>
19.	Điều 24.3 (ii)	<p>Trong trường hợp phê duyệt thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tập đoàn, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức; số lượng Cổ Phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông; (iv) vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn để gửi ý kiến cho Tập đoàn; và (vi) phương án biểu quyết</li> </ul>	<p>Trong trường hợp phê duyệt thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tập đoàn, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức; số lượng Cổ Phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông; (iv) vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn</li> </ul>	<p>Để làm rõ hơn quy định về việc thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>



	<p>“tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Gửi phiếu lấy ý kiến cùng với các tài liệu khác có liên quan cho tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết;</li> <li>▪ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức;</li> <li>▪ Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</li> <li>▪ HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tập đoàn; Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</li> <li>▪ Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ Đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</li> <li>▪ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn;</li> <li>▪ Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được</li> </ul>	<p>để gửi ý kiến cho Tập đoàn; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Gửi phiếu lấy ý kiến cùng với các tài liệu khác có liên quan cho tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết.</li> <li>▪ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật <b><u>và đóng dấu</u></b> của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức;</li> <li>▪ Phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tập đoàn sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, <b><u>bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu, thêm ký hiệu</u></b> hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</li> <li>▪ <b><u>Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền/phân công tiến hành</u></b> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của <b><u>đại diện</u></b> BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tập đoàn; Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</li> <li>▪ Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được <b><u>công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ</u></b> và gửi đến các Cổ Đông</li> </ul>	
--	---	--	--

		thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.	<p>trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn;</li> <li>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</li> </ul>	
20.	Điều 25.2	<p>Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp và gửi tới các Cổ Đông trong vòng 15 ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc và biên bản này sẽ được xem là minh chứng về các nội dung của cuộc họp, ngoại trừ có sự phản đối được đưa ra một cách hợp lệ đối với nội dung của biên bản họp trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt hoặc bản dịch bằng tiếng Anh, có đầy đủ chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp, và được soạn thảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và Điều Lệ này. Biên bản, các ghi chép, sổ ký nhận của các Cổ Đông và đại diện ủy quyền của họ tham dự buổi họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.</p>	<p>Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp. <u>Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ</u> và gửi cho <u>tất cả</u> các Cổ Đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc. <del>và</del> Biên bản này sẽ được xem là minh chứng về các nội dung của cuộc họp, ngoại trừ có sự phản đối được đưa ra một cách hợp lệ đối với nội dung của biên bản họp trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt <u>(trong trường hợp cần thiết có thể được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài)</u> <del>hoặc bản dịch bằng tiếng Anh</del>, có đầy đủ chữ ký của Chủ tọa, thư ký cuộc họp, được soạn thảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và Điều Lệ này. Biên bản, các ghi chép, sổ ký nhận của các Cổ Đông và đại diện ủy quyền của họ tham dự buổi họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tập đoàn.</p>	<p>Để phù hợp với Thông tư 121.</p>
21.	Điều 26	<p><b>Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của ĐHĐCĐ</b></p> <p>Các Cổ Đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, BKS có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều 107, Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của ĐHĐCĐ</b></p> <p>Các Cổ Đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, BKS có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều 107, Luật Doanh nghiệp.</p> <p><u>Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo</u></p>	<p>Để làm rõ hơn quy định về việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ.</p>



			<u>quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.</u>	
22.	Điều 27.1.	Số thành viên của HĐQT sẽ không ít hơn 5 người và không nhiều hơn 11 người (hoặc một số lượng khác phù hợp với Pháp luật tại từng thời điểm). Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Tập đoàn hoặc có quốc tịch Việt Nam hoặc cư trú tại Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điều 110 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (5) năm. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên HĐQT.	Số thành viên của HĐQT sẽ không ít hơn 5 người và không nhiều hơn 11 người (hoặc một số lượng khác phù hợp với Pháp luật tại từng thời điểm). Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Tập đoàn hoặc có quốc tịch Việt Nam hoặc cư trú tại Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điều 110 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (5) năm. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên HĐQT. <u>Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u>	Để làm rõ hơn quy định về thành phần HĐQT.
23.	Điều 27.5	Tư cách thành viên nào của HĐQT chấm dứt trong các trường hợp sau:	Tư cách thành viên <del>nào</del> của HĐQT <u>bi</u> chấm dứt trong các trường hợp sau:	Để làm rõ hơn quy định.
24.	Điều 27.6	Trong phạm vi Pháp Luật cho phép, HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm	<del>Trong phạm vi Pháp Luật cho phép,</del> HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. <u>Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</u>	Để phù hợp với Thông tư 121.

25.	Điều 28.3(i)	(i) Quyết định chiến lược phát triển, và chuẩn bị kế hoạch ngân sách hàng năm của Tập đoàn;	(i) Quyết định chiến lược phát triển, và <del>chuẩn bị kế hoạch</del> ngân sách hàng năm của Tập đoàn;	Để bổ sung thẩm quyền cho HĐQT theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
26.	Điều 28.3 (xvii)	Không quy định	(xvii) <u>Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi Cổ Phần của Tập đoàn;</u>	Để bổ sung thẩm quyền cho HĐQT theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
27.	Điều 28.4	Những vấn đề sau phải được HĐQT phê chuẩn:	Những vấn đề sau phải được HĐQT phê chuẩn, <u>trừ trường hợp đã ủy quyền hoặc phân cấp theo Điều 28.6 của Điều lệ này:</u>	Để làm rõ hơn quy định cũng như cách hiểu phù hợp với Điều 28.6 Điều lệ Tập đoàn.
28.	Điều 31.3	31.3. Hợp bất thường. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường ngay lập tức khi có một trong những người sau đây gửi yêu cầu bằng văn bản đưa ra mục đích và nội dung các vấn đề cần phải thảo luận: (i) Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất năm Cán Bộ Quản Lý; (ii) Hai thành viên của HĐQT; (iii) Chủ tịch HĐQT; hoặc (iv) Đa số các thành viên BKS.	31.3. Hợp bất thường. Chủ tịch HĐQT <u>triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tập đoàn. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT</u> phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường ngay lập tức khi có một trong những người sau đây gửi yêu cầu bằng văn bản đưa ra mục đích và nội dung các vấn đề cần phải thảo luận: (i) Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất năm Cán Bộ Quản Lý; (ii) <u>Ít nhất</u> hai thành viên của HĐQT; <del>(iii) Chủ tịch HĐQT; hoặc</del> (iii) Đa số các thành viên BKS.	Để làm rõ hơn quy định theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.

29.	Điều 31.8	31.8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua thành viên thay thế.	31.8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua thành viên thay thế. <u>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.</u>	Để làm rõ hơn quy định theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
30.	Điều 31.10	31.10. Công khai lợi ích. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tập đoàn và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	31.10. Công khai lợi ích. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tập đoàn và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. <del>Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó.</del> <u>Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tập đoàn, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan</u> tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.	Để làm rõ hơn quy định theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
31.	Chương IX	TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ	TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ <u>KHÁC VÀ THƯ KÝ TẬP ĐOÀN</u>	Để phù hợp với Thông tư 121.
32.	Điều 33.3 (x)	Không quy định	<u>(x) Được ủy quyền hoặc/và ủy quyền lại cho cấp dưới thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước HĐQT về việc ủy quyền đó.</u>	Để làm rõ hơn quy định về quyền và trách nhiệm của Tổng Giám đốc.

33.	Điều 33.7	<p>Thư ký Tập đoàn:</p> <p>HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một người làm Thư ký Tập đoàn với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý Thư ký Tập đoàn tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tập đoàn bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chuẩn bị cho các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng BKS;</li> <li>Làm biên bản các cuộc họp;</li> <li>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.</li> </ol> <p>Thư ký Tập đoàn có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Tập đoàn.</p>	<p>Thư ký Tập đoàn:</p> <p>HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một (1) người làm Thư ký Tập đoàn với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Tập đoàn khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một (1) hay nhiều trợ lý Thư ký Tập đoàn tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tập đoàn bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chuẩn bị cho các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng BKS;</li> <li><u>Tham dự và</u> làm biên bản các cuộc họp;</li> <li>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li><u>Đảm bảo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với luật pháp;</u></li> <li>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.</li> </ol> <p>Thư ký Tập đoàn có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Tập đoàn</p>	<p>Đề phù hợp với Thông tư 121.</p>
34.	CHƯƠNG X	<p><b>NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</b></p> <p><b>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi</b></p> <p>35.1 Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tập đoàn vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng</p>	<p><b>NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, <u>THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</u>, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</b></p> <p><b>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi</b></p> <p>35.1. Thành viên HĐQT, <u>thành viên BKS</u>, Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tập đoàn vì mục đích cá nhân; đồng</p>	<p>Bổ sung thêm về thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi; trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường; trách</p>

	<p>những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>35.2 Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tập đoàn mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>Thành viên của HĐQT phải thông báo cho HĐQT về bất kỳ hợp đồng nào được ký kết bởi và giữa thành viên HĐQT đó hoặc Người Có Lợi Ích Liên quan của thành viên HĐQT đó và Tập đoàn. Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, khi HĐQT được thông báo về các hợp đồng liên quan, các hợp đồng đó có thể tiếp tục nếu được đa số các thành viên khác của HĐQT đồng ý. Tuy nhiên, các thành viên của HĐQT sẽ cần phải bảo đảm rằng bất kỳ xung đột lợi ích nào cũng sẽ được điều hòa một cách thích hợp.</p> <p>35.3 Tập đoàn không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, Cán Bộ Quản Lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.</p> <p>35.4 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tập đoàn với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, Cán Bộ Quản Lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Tập đoàn, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Cán Bộ</p>	<p>thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>35.2. Thành viên HĐQT, <b>thành viên BKS</b>, Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tập đoàn mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>Thành viên của HĐQT phải thông báo cho HĐQT về bất kỳ hợp đồng nào được ký kết bởi và giữa thành viên HĐQT đó hoặc Người Có Lợi Ích Liên quan của thành viên HĐQT đó và Tập đoàn. Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, khi HĐQT được thông báo về các hợp đồng liên quan, các hợp đồng đó có thể tiếp tục nếu được đa số các thành viên khác của HĐQT đồng ý. Tuy nhiên, các thành viên của HĐQT sẽ cần phải bảo đảm rằng bất kỳ xung đột lợi ích nào cũng sẽ được điều hòa một cách thích hợp.</p> <p>35.3. Tập đoàn không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, <b>thành viên BKS</b>, Tổng Giám Đốc, Cán Bộ Quản Lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.</p> <p>35.4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tập đoàn với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, <b>thành viên BKS</b>, Tổng Giám Đốc, Cán Bộ Quản Lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Tập đoàn, đối</p>	<p>nhệm cần trọng như thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Cán Bộ Quản Lý khác, trên cơ sở phù hợp với Thông tư 121.</p>
--	---	---	---

	<p>Quản Lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc Cán Bộ Quản Lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Cán Bộ Quản Lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Cán Bộ Quản Lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các Cổ Đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ Đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ Đông của Tập đoàn vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hay các Cổ Đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p>	<p>tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, <b>thành viên BKS</b>, Cán Bộ Quản Lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc Cán Bộ Quản Lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Cán Bộ Quản Lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Cán Bộ Quản Lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các Cổ Đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ Đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ Đông của</p>	
--	--	--	--



	<p>Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, Cán Bộ Quản Lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Tập đoàn hoặc Công Ty Con của Tập đoàn vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ Đông khác lại không biết những thông tin này.</p> <p><b>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và Bồi thường</b></p> <p>36.1 Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>36.2 Bồi thường. Tập đoàn sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Tập đoàn thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Tập đoàn) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Cán Bộ Quản Lý, nhân viên hoặc là đại diện được Tập đoàn (hay Công Ty Con của Tập đoàn) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tập đoàn (hay Công Ty Con của Tập đoàn) với tư cách thành viên HĐQT, Cán Bộ Quản Lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Tập đoàn, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí</p>	<p>Tập đoàn vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hay các Cổ Đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p> <p>Thành viên HĐQT, <b>thành viên BKS</b>, Tổng Giám Đốc, Cán Bộ Quản Lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Tập đoàn hoặc Công Ty Con của Tập đoàn vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ Đông khác lại không biết những thông tin này.</p> <p><b>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và Bồi thường</b></p> <p>36.1 Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên HĐQT, <b>thành viên BKS</b>, Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>36.2 Bồi thường. Tập đoàn sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Tập đoàn thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Tập đoàn) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, <b>thành viên BKS</b>, Cán Bộ Quản Lý, nhân viên hoặc là đại diện được Tập đoàn (hay Công Ty Con của Tập đoàn) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tập đoàn (hay Công Ty Con của Tập đoàn) với tư cách thành viên HĐQT, <b>thành viên BKS</b>, Cán Bộ Quản Lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Tập đoàn, đối tác, liên</p>	
--	--	---	--

	<p>được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tập đoàn, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Tập đoàn có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p> <p><b>Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý</b></p> <p>Thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tập đoàn, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Tập đoàn có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p> <p><b>Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, <u>thành viên BKS</u>, Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý</b></p> <p>Thành viên HĐQT, <u>thành viên BKS</u> hoặc Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Tập đoàn và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	
--	--	---	--



35.	Điều 38.2 (xvii)	Thông qua bất kỳ Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan nào có giá trị lớn hơn 5% nhưng nhỏ hơn 20% giá trị NTA của Tập Đoàn (dựa trên báo cáo tài chính IFRS được kiểm toán gần nhất tại thời điểm ký kết giao dịch) với điều kiện là, giao dịch đó có giá trị vượt quá 100.000 Đô la Singapore để đảm bảo rằng các Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan đó được ký kết trên cơ sở ngang bằng thị trường và cơ sở thương mại thông thường và không ảnh hưởng tới lợi ích của Tập đoàn và các Cổ Đông thiểu số của Tập đoàn.	Thông qua bất kỳ Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan nào có giá trị lớn hơn 5% nhưng nhỏ hơn 20% giá trị NTA của Tập Đoàn (dựa trên báo cáo tài chính <u>hop nhất (IFRS)</u> được kiểm toán gần nhất tại thời điểm ký kết giao dịch) với điều kiện là, giao dịch đó có giá trị vượt quá 100.000 Đô la Singapore để đảm bảo rằng các Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan đó được ký kết trên cơ sở ngang bằng thị trường và cơ sở thương mại thông thường và không ảnh hưởng tới lợi ích của Tập đoàn và các Cổ Đông thiểu số của Tập đoàn.	Để làm rõ hơn quy định về quyền và trách nhiệm của BKS liên quan đến việc thông qua các Giao Dịch Với Người Có Lợi Ích Liên Quan.
36.	Điều 38.3	38.3. Cổ Đông nắm giữ tối thiểu đến 10% Cổ Phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	38.3. Cổ Đông nắm giữ tối thiểu đến 10% Cổ Phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.  <u>Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tập đoàn quy định tại quy chế của Tập đoàn. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u>	Để làm rõ hơn quy định theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.

37.	Điều 38.5	<p>38.5. BKS sẽ có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó số thành viên độc lập sẽ chiếm trên 50% tổng số thành viên của BKS. Trong BKS phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là (i) nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn hoặc (ii) thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn. Thành viên BKS sẽ không cần có quốc tịch Việt Nam và/hoặc cư trú tại Việt Nam, tuy nhiên trong mọi trường hợp ít nhất một thành viên độc lập của BKS phải cư trú tại Singapore, đồng thời ít nhất ½ thành viên BKS phải cư trú tại Việt Nam. Các ứng cử viên được bầu vào BKS phải đảm bảo các yêu cầu về điều kiện và cơ chế lựa chọn thành viên BKS quy định cụ thể tại Quy chế bầu cử thành viên BKS được ĐHĐCĐ thông qua. BKS phải chỉ định một thành viên là Cổ Đông Tập đoàn làm Trưởng ban. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Triệu tập cuộc họp BKS và hoạt động với tư cách là Trưởng BKS;</li> <li>(ii) Yêu cầu Tập đoàn cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của BKS;</li> <li>(iii) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.</li> </ul>	<p>38.5. BKS sẽ có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó số thành viên độc lập sẽ chiếm trên 50% tổng số thành viên của BKS. Trong BKS phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là (i) nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Tập đoàn hoặc (ii) thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tập đoàn. Thành viên BKS sẽ không cần có quốc tịch Việt Nam và/hoặc cư trú tại Việt Nam, tuy nhiên trong mọi trường hợp ít nhất một thành viên độc lập của BKS phải cư trú tại Singapore, đồng thời ít nhất ½ thành viên BKS phải cư trú tại Việt Nam. <u>Các thành viên BKS không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, TGD và các Cán Bộ Quản Lý khác của Tập đoàn.</u> Các ứng cử viên được bầu vào BKS phải đảm bảo các yêu cầu về điều kiện và cơ chế lựa chọn thành viên BKS quy định cụ thể tại Quy chế bầu cử thành viên BKS được ĐHĐCĐ thông qua. BKS phải chỉ định một thành viên là Cổ Đông Tập đoàn làm Trưởng ban. <u>Trưởng BKS là người có chuyên môn về kế toán.</u> Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(i) Triệu tập cuộc họp BKS và hoạt động với tư cách là Trưởng BKS;</li> <li>(ii) Yêu cầu Tập đoàn cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của BKS;</li> <li>(iii) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHĐCĐ.</li> </ul>	<p>Để làm rõ hơn quy định theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.</p>
-----	--------------	---	---	---

38.	Điều 40.8	Căn cứ vào Luật Doanh Nghiệp, HĐQT bằng nghị quyết của mình có thể đặt ra một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ của hoạt động kinh doanh của Tập đoàn mà theo đó các Cổ Đông hoặc chủ sở hữu của các chứng khoán khác có quyền tới nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, cổ phần, thông báo hoặc bất kỳ tài liệu nào khác. Ngày khoá sổ có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước ngày thực hiện các quyền trên. Quy định này không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên khi chuyển nhượng Cổ Phần hoặc các chứng khoán khác	<del>Căn cứ vào Luật Doanh Nghiệp, HĐQT bằng nghị quyết của mình có thể đặt ra xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ của hoạt động kinh doanh của Tập đoàn mà theo, đó các Cổ Đông những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người chủ sở hữu của các chứng khoán khác có được quyền tới nhận cổ tức, lãi suất, phân phối chia lợi nhuận, nhân cổ phần, phiếu, nhân thông báo hoặc bất kỳ tài liệu nào khác. Ngày khoá sổ có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước ngày thực hiện các quyền trên. Quy định này không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên khi chuyển nhượng Cổ Phần hoặc các chứng khoán khác</del>	Sửa đổi ngắn gọn theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
39.	Điều 43	<b>Báo cáo và Hệ thống Kế toán</b> 43.1. Tập đoàn sẽ áp dụng Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính duyệt, và sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán theo thông lệ kế toán chung của Việt Nam.	<b>Báo cáo và Hệ thống Chế độ Kế toán</b> 43.1. Tập đoàn sẽ áp dụng Hệ thống Chế độ kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ hệ thống chế độ kế toán nào khác được Bộ Tài chính duyệt, và sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán theo thông lệ kế toán chung của Việt Nam.	Để phù hợp với quy định theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
40.	Điều 46A	Không quy định	<u><b>Điều 46A Báo cáo thường niên</b></u> <u>Tập đoàn phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u>	Theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
41.	Điều 47.1	Tại ĐHĐCĐ thường niên sẽ lựa chọn một công ty kiểm toán từ bốn công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu được cấp phép hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Tập đoàn cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Chi phí cho việc kiểm toán sẽ do	Tại ĐHĐCĐ thường niên sẽ lựa chọn <u>hoặc giao cho Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn lựa chọn</u> một công ty kiểm toán từ <del>bốn</del> các công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu được cấp phép hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Tập đoàn cho năm tài chính	Để phù hợp với thực tế hoạt động của ĐHĐCĐ.

		Tập đoàn chịu.	tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với <u>HDQT Tập đoàn</u> . Chi phí cho việc kiểm toán sẽ do Tập đoàn chịu.	
42.	Điều 47.3	Công Ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Tập đoàn, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HDQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công Ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Tập đoàn phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.	Công Ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Tập đoàn, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HDQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <del>Các nhân viên của Công Ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Tập đoàn phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</del>	Sửa đổi ngắn gọn theo tham khảo Điều lệ mẫu đính kèm Thông tư 121.
43.	Điều 51.1	HDQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi hết Thời Hạn hoạt động của Tập đoàn để các Cổ Đông biểu quyết về việc gia hạn Thời Hạn hoạt động của Tập đoàn theo thời hạn mới mà HDQT đề xuất.	<u>Thời hạn hoạt động của Tập đoàn là vô hạn theo quy định tại Khoản 3.6 Điều lệ này, trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Tập đoàn,</u> HDQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ <del>ít nhất bảy (07) tháng trước khi hết Thời Hạn hoạt động của Tập đoàn</del> để các Cổ Đông biểu quyết về việc <u>gia hạn thay đổi</u> Thời Hạn hoạt động <del>của Tập đoàn</del> theo thời hạn mới mà HDQT đề xuất	Để phù hợp theo quy định tại khoản 3.6 Điều lệ quy định thời hạn hoạt động của Tập đoàn là vô hạn.
44.	Điều 53	Trừ khi Điều Lệ này có quy định khác, các Cổ Đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành, mà có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HDQT, có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể Tập đoàn theo một hay một số các căn cứ sau:  (i) Các thành viên HDQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Tập đoàn dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HDQT hoạt động.  (ii) Các Cổ Đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HDQT.	Trừ khi Điều Lệ này có quy định khác, các Cổ Đông nắm giữ <u>từ 51% số cổ phần</u> <del>một nửa số cổ phiếu</del> đang lưu hành, <del>mà và</del> có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HDQT, có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể Tập đoàn theo một hay một số các căn cứ sau <u>đây, sau khi ĐHĐCĐ đã được tiến hành mà tuy đạt được từ 51% biểu quyết tán thành nhưng không đủ số phiếu cần thiết theo Điều 24.1 (ii) của Điều lệ để thông qua việc giải thể theo phương án của nhóm Cổ Đông này:</u>  (i) Các thành viên HDQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Tập đoàn dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy	Để phù hợp với Nghị quyết 71/2006/QH11 do Tập đoàn Vingroup có các cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.

		(iii) Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ Đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ Đông.	<p>định để HĐQT hoạt động.</p> <p>(ii) Các Cổ Đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.</p> <p>(iii) Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều <del>phe cánh</del> <b>nhóm</b> Cổ Đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ Đông.</p>	
45.	Điều 55.1	<p>Trường hợp có tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh liên quan tới hoạt động của Tập đoàn hoặc các quyền của Cổ Đông theo Điều Lệ này hoặc theo quy định của Pháp Luật, giữa:</p> <p>(i) Cổ Đông và Tập đoàn; hoặc</p> <p>(ii) Cổ Đông và HĐQT, BKS, Tổng Giám Đốc hoặc Cán Bộ Quản Lý;</p> <p>thì các bên liên quan sẽ cố gắng cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp</p>	<p>Trường hợp có tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh liên quan tới hoạt động của Tập đoàn hoặc các quyền của Cổ Đông theo Điều Lệ này hoặc theo quy định của Pháp Luật, giữa:</p> <p>(i) Cổ Đông và Tập đoàn; hoặc</p> <p>(ii) Cổ Đông và HĐQT, BKS, Tổng Giám Đốc hoặc Cán Bộ Quản Lý;</p> <p>thì các bên liên quan sẽ cố gắng cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các <del>yếu tố thực tiễn</del> <b>vấn đề</b> liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu <del>chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp</del> <b>Trung tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) chỉ định một hòa giải viên để hành động với tư cách trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp, chi phí hòa giải sẽ do bên yêu cầu chịu.</b></p>	Để làm rõ hơn về phương thức chỉ định hòa giải viên giải quyết tranh chấp.